

Bản án số: 207/2018/HS-ST

Ngày: 19-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huỳnh

2. Bà Trần Thị Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Duy Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 261/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2277/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Trần Ngọc S, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 116/4 BV, Phường PNL, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên giữ xe; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T và bà: Trần Ngọc P; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt ngày 9/12/2017 đến ngày 19/12/2017 được trả tự do theo Quyết định trả tự do của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 10, ngày 22/12/2017 bị cáo bị bắt tạm giam lại (Có mặt).

2. Trịnh Ngọc T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1995 tại Khánh H; Nơi cư trú: 462/7 đường 3/2, phường ZZ, Quận Q, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn T và bà: Trần Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Tạm giam ngày 18/12/2017. (Có mặt).

Bị hại:

Bà Loh Siao W, sinh năm 1988 tại Malaysia, quốc tịch: Malaysia.

Thường trú: 1678 JaLan Es/1 TaMan EHSan Kepong Shoo Kuala Lumpur. Chỗ ở: Icon 56 Apartment - số 56 BVD, Phường BB, Quận PP, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 09/12/2017, Trịnh Ngọc T chở Trần Ngọc S trên xe mô tô hiệu Suzuki Raider, màu trắng đen, biển số 59L2-359.38 khi đi vào vòng xoay ngã sáu NTP, Quận SS, T nhìn thấy chị Loh Siao W (quốc tịch Malaysia) đứng trên vỉa hè trước nhà số 235 NTP, Phường NN, Quận PO, Tp. Hồ Chí Minh sử dụng điện thoại Samsung Galaxy S8 màu đen, để xem bản đồ chỉ đường, T chỉ cho S và kêu S giật chiếc điện thoại trên để bán lấy tiền tiêu xài, S đồng ý. T liền điều khiển xe chạy lên vỉa hè, áp sát từ phía sau bên trái chị Loh Siao W để S ngồi sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại trên. Sau đó, T điều khiển xe tăng ga bỏ chạy được khoảng 3m thì bị anh Lê Hoài P, anh Phạm Quốc N (trình sát đội 3 phòng cảnh sát hình sự Công an tp. Hồ Chí Minh) và anh Nguyễn Minh T hỗ trợ bắt giữ S cùng phương tiện và tang vật còn T chạy bộ tẩu thoát đến ngày 18/12/2017 thì T bị bắt. Vụ việc đã được Công an Phường BB, Quận UI lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Riêng T chạy bộ tẩu thoát đến ngày 18/12/2017 thì T bị Công an Quận 10 bắt khẩn cấp.

Theo Kết luận định giá tài sản số 1163/KL-HĐĐG ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 10 kết luận điện thoại Samsung Galaxy S8 màu đen của bị hại chị Loh Siao W có trị giá 7.000.000 đồng

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Ngọc S, Trịnh Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên phù hợp với biên bản lấy lời khai của bị hại, người làm chứng.

-Vật chứng thu giữ gồm:

+01 điện thoại di động Samsung Galaxy S8 màu đen, số imel: 354359082633530, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại chị Loh Siao W ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng;

+01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider màu trắng đen biển số 59L2-359.38 số khung RLSDL11ANGV100244; số máy: CGA1500410.

Qua xác minh được biết xe mô tô hiệu Suzuki Raider màu trắng đen biển số 59L2-359.38 do PTT trú ở địa chỉ 6/41A, đường số 3, cư xá LG, phường YU, Quận RT đứng tên chủ sở hữu tuy nhiên qua xác minh tại địa chỉ trên không có ai tên PTT. Bị cáo S khai mua xe trên của anh PTT giá 10.000.000 đồng và ký hợp đồng mua bán tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân ngày 24/7/2017 nhưng chưa S tên.

- Phần dân sự: Chị Loh Siao W đã nhận lại tài sản và xuất cảnh về nước không có yêu cầu bồi thường (BL48,112)

Tại Bản cáo trạng số: 177/CT-VKS-P2 ngày 02/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Ngọc S,

Trịnh Ngọc T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Trần Ngọc S từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù, bị cáo Trịnh Ngọc T 04 (bốn) đến 05 (năm) năm tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại chị Loh Siao W đã nhận lại tài sản và xuất cảnh về nước không có yêu cầu bồi thường (BL48,112), vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của các bị cáo:

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 09/12/2017, T chở S trên xe mô tô hiệu Suzuki Raider, màu trắng đen, biển số 59L2-359.38. Khi đi vào vòng xoay ngã sáu NTP, Quận SS, T nhìn thấy chị Loh Siao W (quốc tịch Malaysia) đứng trên vỉa hè trước nhà số 235 NTP, Phường NN, Quận PO, Tp. Hồ Chí Minh sử dụng điện thoại Samsung Galaxy S8 màu đen, để xem bản đồ chỉ đường, T chỉ cho S và kêu S giật chiếc điện thoại trên để bán lấy tiền tiêu xài, S đồng ý. T liền nhanh chóng điều khiển xe chạy lên vỉa hè, áp sát từ phía sau bên trái chị Loh Siao W để S ngồi sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại trên. Sau đó, T điều khiển xe tăng ga bỏ chạy được khoảng 3m thì bị anh Lê Hoài P, anh Phạm Quốc N và anh Nguyễn Minh T hỗ trợ bắt giữ S cùng phương tiện và tang vật còn T chạy bộ tẩu thoát đến ngày 18/12/2017 thì T bị bắt. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo S, T đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản

2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn giao thông tại địa phương. Trong vụ án này, các bị cáo T, S cùng hỗ trợ tích cực cho nhau để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại. Bằng việc sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ là xe gắn máy, có tính nguy hiểm rất cao, bị cáo T đã có hành vi nhanh chóng điều khiển xe áp sát vào bị hại để bị cáo S dễ dàng thực hiện hành vi giật lấy chiếc túi xách. Trước tình hình giao thông diễn biến phức tạp như hiện nay, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, có thể xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của bị hại cũng như những người dân đang lưu thông trên đường. Bản thân các bị cáo đều đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng lại cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm xấu đi hình ảnh văn hóa của người Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế. Do đó, cần áp dụng tình tiết “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được giao trả cho người bị hại nên cần áp dụng điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo S, T chưa có tiền án tiền sự, riêng bị cáo T có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án nhân dân Quận YY xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” vào ngày 24/12/2013, bị cáo lại không tu dưỡng, cải tạo bản thân mà trong vụ án này bị cáo còn là người chủ động rủ rê bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội do đó cần xem xét, cân nhắc tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp cho mỗi bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Loh Siao W đã nhận lại tài sản và xuất cảnh về nước không có yêu cầu bồi thường (BL48,112) do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Giao trả cho bị cáo S : 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong) không có liên quan đến vụ án;

- Tịch thu sung quỹ: 01 xe mô tô hai bánh hiệu Suzuki Raider biển số 59L2-359.38 số khung RLSDL11ANGV100244 (sét mờ, ghi theo lệnh của VKS); số máy: CGA1500410 (ghi theo lệnh của VKS) (Không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) do chiếc xe trên được sử dụng làm phương tiện phạm tội.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc S , Trịnh Ngọc T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc S 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2017 nhưng có khấu trừ thời gian tạm giam cho bị cáo trước đó từ ngày 9/12/2017 đến ngày 19/12/2017.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Ngọc T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2017.

- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô hai bánh hiệu Suzuki Raider biển số 59L2-359.38 số khung RLSDL11ANGV100244 (sét mờ, ghi theo lệnh của VKS); số máy: CGA1500410 (ghi theo lệnh của VKS) (Không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

Trả lại cho cho bị cáo S : 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong).

(Biên bản giao nhận tang tài vật số 208/18 ngày 15/05/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Ngọc S , Trịnh Ngọc T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người bị hại; (4)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ VĂN LỆ

